

**●25. MI-LI-MÉT VUÔNG.  
BẢNG ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH**

A – MỤC TIÊU

Giúp HS :

– Biết tên gọi, kí hiệu, độ lớn của mi-li-mét vuông. Quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông.

- Biết tên gọi, kí hiệu, thứ tự, mối quan hệ của các đơn vị đo diện tích trong bảng đơn vị đo diện tích.
- Biết chuyển đổi các số đo diện tích từ đơn vị này sang đơn vị khác.

## B – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV chuẩn bị :

- Hình vẽ biểu diễn hình vuông có cạnh dài 1cm như trong phần a) của SGK (phóng to).
- Một bảng có kẻ sẵn các dòng, các cột như trong phần b) của SGK nhưng chưa viết chữ và số.

## C – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

### 1. Giới thiệu đơn vị đo diện tích mi-li-mét vuông

– GV gợi ý để HS nêu những đơn vị đo diện tích đã học ( $\text{cm}^2$ ,  $\text{dm}^2$ ,  $\text{m}^2$ ,  $\text{dam}^2$ ,  $\text{hm}^2$ ,  $\text{km}^2$ ).

– GV giới thiệu : "Để đo những diện tích rất bé người ta còn dùng đơn vị mi-li-mét vuông".

– GV hướng dẫn HS dựa vào những đơn vị đo diện tích đã học để tự nêu được : "Mi-li-mét vuông là diện tích của hình vuông có cạnh dài 1mm".

– GV có thể cho HS tự nêu cách viết kí hiệu mi-li-mét vuông :  $\text{mm}^2$  (tương tự như đối với các đơn vị đo diện tích đã học).

– GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ (phóng to) biểu diễn hình vuông có cạnh dài 1cm được chia thành các hình vuông nhỏ như trong phần a) của SGK, tự rút ra nhận xét : Hình vuông  $1\text{cm}^2$  gồm 100 hình vuông  $1\text{mm}^2$ . Từ đó, HS tự phát hiện ra mối quan hệ giữa mi-li-mét vuông và xăng-ti-mét vuông.

$$1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2$$

$$1\text{mm}^2 = \frac{1}{100}\text{cm}^2$$

### 2. Giới thiệu bảng đơn vị đo diện tích

– GV hướng dẫn HS hệ thống hoá các đơn vị đo diện tích đã học thành bảng đơn vị đo diện tích, chẳng hạn :

+ Cho HS nêu các đơn vị đo diện tích đã học (HS có thể nêu không theo thứ tự).

+ Hướng dẫn HS nêu lại các đơn vị đo diện tích theo thứ tự (chẳng hạn, từ lớn đến bé). GV điền vào bảng kẻ sẵn (đã nêu ở mục B – Đồ dùng dạy học).

+ GV cho HS nhận xét : những đơn vị bé hơn mét vuông là  $dm^2$ ,  $cm^2$ ,  $mm^2$  ghi ở bên phải cột  $m^2$  ; những đơn vị lớn hơn mét vuông là  $dam^2$ ,  $hm^2$ ,  $km^2$  ghi ở bên trái cột  $m^2$ .

+ Cho HS nêu mối quan hệ giữa mỗi đơn vị với đơn vị kế tiếp nó rồi điền tiếp vào bảng kẻ sẵn để cuối cùng có bảng đơn vị đo diện tích giống như bảng trong SGK. Trong quá trình này, GV giới thiệu thêm :  $1km^2 = 100hm^2$  (hoặc cho HS dự đoán, sau đó GV khẳng định lại).

– GV giúp HS quan sát bảng đơn vị đo diện tích vừa thành lập, nêu nhận xét :

+ Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền.

+ Mỗi đơn vị đo diện tích bằng  $\frac{1}{100}$  đơn vị lớn hơn tiếp liền.

Nên đặc biệt lưu ý HS nhận xét này để thấy rõ sự khác biệt với bảng đơn vị đo độ dài (hay khối lượng) đã học.

– Cho HS đọc lại bảng đơn vị đo diện tích để ghi nhớ bảng này.

### 3. Thực hành

**Bài 1 :** Nhằm rèn luyện cách đọc, viết số đo diện tích với đơn vị  $mm^2$ .

GV yêu cầu HS tự làm bài, sau đó có thể đổi vở cho nhau để kiểm tra chéo và chữa bài.

**Bài 2 :** Nhằm rèn cho HS kỹ năng đổi đơn vị đo.

a) Đổi từ đơn vị lớn sang đơn vị bé (bao gồm cả những số đo có hai tên đơn vị).

b) Đổi từ đơn vị bé sang đơn vị lớn (bao gồm cả những số đo có hai tên đơn vị).

GV hướng dẫn HS dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo diện tích để làm bài rồi chữa bài (lần lượt theo các phần a), b) và theo từng cột).

**Chú ý :** GV có thể hướng dẫn đổi đơn vị như sau :

Mỗi đơn vị đo diện tích gấp 100 lần đơn vị bé hơn tiếp liền nên một đơn vị đo diện tích ứng với hai chữ số trong số đo diện tích, chẳng hạn :

$$\underbrace{9}_{\text{hm}^2} \underbrace{00}_{\text{dam}^2} \underbrace{00}_{\text{m}^2} \text{ m}^2 = \dots \text{ hm}^2.$$

Như vậy, ta có :  $90\,000\text{m}^2 = 9\text{hm}^2$ .

**Bài 3 :** GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài lần lượt theo từng cột.